

Bản án số: 131/2024/DS-ST  
Ngày: 12-8-2024  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLST-TCDS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-TCDS ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/QĐST-TCDS ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lã Thị R**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định**. (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1981; địa chỉ: **Xóm F, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định**. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Lã Thị R** trình bày:*

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết khi cần tiền chị **Trần Thị T** có đến nhà chị **R** hỏi vay tiền. Do tin tưởng nên chị **R** có cho chị **T** vay tiền nhiều lần. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 29/6/2017 âm lịch (tức ngày 22/7/2017) chị **R** cho chị **T** vay 100.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 05/7/2017 âm lịch (tức ngày 26/8/2017) chị **R** cho chị **T** vay 30.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 12/7/2017 âm lịch (tức ngày 02/9/20217) chị **R** cho chị **T** vay 60.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 20/7/2017 âm lịch (tức ngày 10/9/2017) chị **R** cho chị **T** vay 60.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 02/8/2017 âm lịch (tức ngày 21/9/2017) chị **R** cho chị **T** vay 60.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 27/8/2017 âm lịch (tức ngày 16/10/2017) chị **R** cho chị **T** vay 50.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 10/9/2017 âm lịch (tức ngày 29/10/2017) chị **R** cho chị **T** vay 50.000.000 đồng.

Lần 8: Ngày 26/11/2017 âm lịch (tức ngày 12/01/2018) chị **R** cho chị **T** vay 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị **R** còn cho chị **T** vay 140.000.000 đồng nhưng do tin tưởng và bận công việc nên chị **R** không viết giấy. Khi cần tiền chị **R** có đến đòi nợ chị **T** nhiều lần thì chị **T** lấy lý do khó khăn không trả nợ cho chị **R** và viết cho chị giấy nghi nhận nợ hứa sẽ thu xếp trả nợ cho chị trong thời gian ngắn nhưng sau đó chị **T** vẫn không trả nợ cho chị số tiền đã vay. Hiện nay chị **R** không liên lạc được với chị **T**.

Quá trình giải quyết vụ án, do không có tài liệu chứng cứ gì về việc cho chị **T** mượn 140.000.000 đồng nên chị **T** xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này. Do vậy, đến nay chị **R** làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị **Trần Thị T** phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ vay gốc là 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu lấy lãi.

\* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho chị **Trần Thị T** theo quy định pháp luật. Do chị **Trần Thị T** không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã đăng thông tin tìm kiếm chị **Trần Thị T** trên các phương tiện thông tin đại chúng gồm: Đăng thông tin tìm kiếm trên **B** 3 số liên tiếp 47,48 và số báo gộp 49+50 ra các ngày 12/6, 14/6 và 19/6/2024; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 14, 15, 16 tháng 6 năm 2024 và trên Công thông tin điện tử của Tòa án về việc chị **Lã Thị R** có đơn khởi kiện

chị **Trần Thị T** về việc trả khoản vay nợ nhưng đến nay chị **Trần Thị T** không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị **R**. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết vụ án.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không hợp tác làm việc với Tòa án, chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Lã Thị R**; buộc chị **Trần Thị T** trả cho chị **Lã Thị R** số tiền nợ 460.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị **R** về việc yêu cầu chị **T** phải trả số tiền 140.000.000 đồng;

Đương sự phải nộp án phí dân sự theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Lã Thị R** khởi kiện yêu cầu chị **Trần Thị T** trả nợ tiền vay. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại **xã H, huyện H, tỉnh Nam Định**. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Lã Thị R** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị **Trần Thị T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[3.1] Về số nợ gốc: Theo lời khai của chị **Lã Thị R**: Do quen biết nên chị **R** cho chị **T** vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 600.000.000đồng không xác định thời hạn vay. Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là bản gốc giấy biên nhận viết tay ghi nhận việc chị **T** vay tiền chị **R**, cụ thể: Ngày 29/6/2017 âm lịch (tức ngày 22/7/2017) chị **R** cho chị **T** vay 100.000.000 đồng; Ngày 05/7/2017 âm lịch (tức ngày 26/8/2017) chị **R** cho chị **T** vay 30.000.000 đồng; Ngày 12/7/2017 âm lịch (tức ngày 02/9/20217) chị **R** cho chị **T** vay 60.000.000 đồng; Ngày 20/7/2017 âm lịch (tức ngày 10/9/2017) chị **R** cho chị **T** vay 60.000.000 đồng; Ngày 02/8/2017 âm lịch (tức ngày 21/9/2017) chị **R** cho chị **T** vay 60.000.000 đồng; Ngày 27/8/2017 âm lịch (tức ngày 16/10/2017) chị **R** cho chị **T** vay 50.000.000 đồng; Ngày 10/9/2017 âm lịch (tức ngày 29/10/2017) chị **R** cho chị **T** vay 50.000.000 đồng; Ngày 26/11/2017 âm lịch (tức ngày 12/01/2018) chị **R** cho chị **T** vay 50.000.000 đồng. Tổng số tiền là 460.000.000 đồng.

Đối với số tiền vay gốc 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng), chị **R** khai nhận không viết giấy tờ gì nên chị **R** xin được rút yêu cầu đối với phần vay nợ này.

Bị đơn mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bằng các hình thức tổng đạt niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng, do chị **Trần Thị T** không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã đăng thông tin tìm kiếm chị **Trần Thị T** trên các phương tiện thông tin đại chúng gồm: Đăng thông tin tìm kiếm trên **B** 3 số liên tiếp 47,48 và số báo gộp 49+50 ra các ngày 12/6, 14/6 và 19/6/2024; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 14, 15, 16 tháng 6 năm 2024 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án về việc chị **R** có đơn khởi kiện chị **Trần Thị T** về việc trả nợ tiền vay đã viết giấy ghi nhận nợ nhưng đến nay chị **T** không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị **R**; không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[3.2] Như vậy có cơ sở xác định giữa chị **Lã Thị R** và chị **Trần Thị T** đã có giao dịch hợp đồng vay tài sản không xác định xác định thời hạn theo quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn khai đã đòi nợ nhiều lần nhưng chị **T** không trả nợ và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú; cắt đứt liên lạc với chị

**R.** Do đó căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc chị **T** phải trả cho chị **R** số tiền 460.000.000 đồng là phù hợp pháp luật.

Đối với việc chị **R** rút yêu cầu chị **T** trả số tiền 140.000.000 đồng, Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị **R**.

[3.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí:

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Lã Thị R** về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị **Trần Thị T**; Buộc chị **Trần Thị T** có nghĩa vụ trả cho chị **Lã Thị R** số tiền nợ là 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Lã Thị R** về việc yêu cầu chị **Trần Thị T** trả số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc chị **Trần Thị T** phải nộp 22.400.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị **Lã Thị R** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003162 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Hà;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hằng**